

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI VERITE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI VERITE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110495203

3. Ngày thành lập: 03/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 30 phố Đặng Thùy Trâm, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969397305

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng (trừ hoạt động đấu giá ô tô)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động - Bảo dưỡng thông thường - Sửa chữa thân xe - Sửa chữa các bộ phận của ô tô - Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn - Sửa tấm chắn và cửa sổ - Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô - Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế - Xử lý chống gỉ - Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất	4520

5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá phụ tùng)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế (trừ dược phẩm) - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng, quặng uranium và thorium)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Dịch vụ đóng gói	8292
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
29.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
30.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
44.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
45.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
46.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
47.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
48.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
49.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
50.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
51.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
52.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
53.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
54.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101

55.	Sản xuất sợi	1311
56.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
57.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
58.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
59.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
60.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
61.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
62.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
63.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
64.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
65.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
66.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
67.	Sản xuất giày, dép	1520
68.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quần gỗ	1610
69.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
70.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
71.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
73.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
74.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
75.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
76.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
77.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
78.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
79.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
80.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
81.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
82.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
83.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
84.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
85.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
86.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
87.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
88.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
89.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

90.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	2420
91.	Đúc sắt, thép	2431
92.	Đúc kim loại màu	2432
93.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
94.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
95.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
96.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
97.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
98.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
99.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
100.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
101.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
102.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
103.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
104.	Sản xuất đồng hồ	2652
105.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
106.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
107.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
108.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
109.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
110.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
111.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
112.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
113.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
114.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
115.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
116.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
117.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
118.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
119.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
120.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
121.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

122.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
123.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
124.	Sản xuất máy luyện kim	2823
125.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
126.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
127.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
128.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
129.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
130.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
131.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
132.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4789
133.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
134.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
135.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
136.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
137.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
138.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
139.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931(Chính)
140.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
141.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
142.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
143.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
144.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
145.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Loại trừ dịch vụ hoa tiêu)	5222
146.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)	5224

147.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5225
148.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ logistics - Hoạt động của đại lý bán vé máy bay	5229
149.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
150.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
151.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
152.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
153.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
154.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
155.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
156.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
157.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
158.	Đại lý du lịch	7911
159.	Điều hành tua du lịch	7912
160.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
161.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
162.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
163.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
164.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
165.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

166.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
167.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
168.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
169.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
170.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
171.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
172.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
173.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
174.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
175.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
176.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
177.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
178.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
179.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
180.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3812
181.	Tái chế phế liệu	3830
182.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
183.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)	4741
184.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)	4742
185.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
186.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
187.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
188.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
189.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
190.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
191.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

192.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
193.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
194.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thuốc)	4772
195.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng trang sức mỹ nghệ, bạc, đá quý và bán đá quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ kính thuốc) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HUÂN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 13/02/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037092013810

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm 9, Xã Định Hóa, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 9, Xã Định Hóa, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/02/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037092013810

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 9, Xã Định Hóa, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 9, Xã Định Hóa, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội